



Chương 2

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Nguyễn Thị Minh Thu
Bộ môn Kế hoạch và Đầu tư

NỘI DUNG

2.1 Khái niệm, phân loại và nguyên tắc xác định hiệu quả đầu tư

2.2 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư

2.3 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp

2.4 Hiệu quả đầu tư của ngành, địa phương, vùng và toàn nền kinh tế

2.1 Khái niệm, phân loại và nguyên tắc xác định hiệu quả đầu tư phát triển

2.1.1 Hiệu quả đầu tư?

2.1.2 Phân loại hiệu quả đầu tư

2.1.3 Nguyên tắc xác định hiệu quả đầu tư

2.1.1 Hiệu quả đầu tư? (1)

- **Hiệu quả đầu tư** là phạm trù kinh tế biểu hiện quan hệ **so sánh** giữa **các kết quả KT-XH** đã đạt được các mục tiêu của hoạt động đầu tư với **các chi phí phải bỏ ra** để có các kết quả đó trong một thời kỳ nhất định.

2.1.1 Hiệu quả đầu tư? (2)

- **Đầu tư có hiệu quả** khi trị số của các chỉ tiêu đo lường hiệu quả **thỏa mãn tiêu chuẩn** hiệu quả trên cơ sở sử dụng các **định mức hiệu quả** do chủ đầu tư định ra.

2.1.2 Phân loại hiệu quả đầu tư (1)

Tiêu thức phân loại	Loại hiệu quả đầu tư
1. Theo lĩnh vực hoạt động của xã hội	Hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, xã hội, an ninh quốc phòng
2. Theo phạm vi tác dụng của hiệu quả	Hiệu quả của từng DA, ngành, địa phương, toàn nền kinh tế
3. Theo phạm vi lợi ích	Hiệu quả tài chính (<i>trong DN</i>), hiệu quả KTXH (<i>toàn nền kinh tế</i>)
4. Theo mức độ phát sinh trực tiếp, gián tiếp	Hiệu quả trực tiếp, gián tiếp
5. Theo cách tính toán	Hiệu quả tuyệt đối, tương đối

2.1.2 Phân loại hiệu quả đầu tư (2)

- **Hiệu quả tài chính** là hiệu quả hạch toán kinh tế được xem xét **trong phạm vi doanh nghiệp**
- **Hiệu quả KTXH** là hiệu quả tổng hợp được xem xét trên **phạm vi toàn nền kinh tế**
- Hiệu quả **tuyệt đối** = Kết quả - Chi phí
- Hiệu quả **tương đối** = Kết quả / Chi phí

2.1.3 Nguyên tắc xác định hiệu quả đầu tư

- Xuất phát từ **mục tiêu** của hoạt động đầu tư.
- Xác định **tiêu chuẩn hiệu quả** để đánh giá hiệu quả đầu tư.
- Chú ý đến **độ trễ thời gian** trong đầu tư
- Cần sử dụng một **hệ thống các chỉ tiêu** để đánh giá
- Đảm bảo tính **khoa học và thực tiễn** khi đánh giá

2.2 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư

2.2.1 Hiệu quả tài chính của đầu tư

2.2.2 Hiệu quả KTXH của đầu tư

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư

2.2.1 Hiệu quả tài chính của đầu tư

- a) Giá trị thời gian của tiền
- b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh
- c) Xác định tỷ suất “ r ” trong đánh giá hiệu quả tài chính
- d) Chọn thời điểm tính
- e) Xác định dòng tiền của đầu tư
- f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư

a) Giá trị thời gian của tiền với **bài toán mua bán bò**

Một bác nông dân mua con bò với giá **13** triệu, sau đó bác đem bò bán với giá **15** triệu. Nhưng vì tiếc con bò nên bác đã đến mua lại chính con bò đó nhưng người kia đòi bán với giá **17** triệu. Vậy là bác nông dân đã mua con bò với giá 17 triệu, sau đó bác lại đem bán con bò với giá **19** triệu. Hỏi cuối cùng bác nông dân lãi hay lỗ cụ thể bao nhiêu tiền?

- Gợi ý: 4 triệu, 2 triệu, hòa vốn, -2 triệu.

a) Giá trị thời gian của tiền

- Tiền có giá trị thời gian: *Lạm phát, ngẫu nhiên, sinh lời...*
- Do **tiền có giá trị về thời gian** nên khi so sánh, tổng hợp các khoản tiền phát sinh trong những khoảng thời gian khác nhau cần **phải tính chuyển về cùng một thời điểm** (hay một mặt bằng thời gian)
 - Đầu thời kỳ phân tích
 - Cuối thời kỳ phân tích
 - Một năm nào đó trong thời kỳ phân tích

b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh (1)

- Chuyển các khoản tiền phát sinh trong thời kỳ phân tích về cùng một thời điểm
- Nếu **chuyển về đầu** thời kỳ phân tích (hiện tại): **Giá trị hiện tại (PV)**
- Nếu **chuyển về cuối** thời kỳ phân tích (tương lai): **Giá trị tương lai (FV)**

b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh (2)

- **Giá trị của một khoản tiền ở tương lai (FV):**

$$FV = PV(1 + r)^n$$

- $(1+r)^n$: Hệ số tích lũy
- r : Tỷ suất tích lũy (tỷ suất tính chuyển)
- n : Số giai đoạn chuyển

b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh (3)

- **Giá trị của một khoản tiền ở hiện tại (PV):**

$$PV = \frac{FV}{(1+r)^n}$$

- $1/(1+r)^n$: Hệ số chiết khấu
- r : Tỷ suất chiết khấu (tỷ suất tính chuyển)
- n : Số giai đoạn chuyển

b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh (4)

- **Đối với trường hợp tỷ suất “r” thay đổi trong thời kỳ phân tích:**

$$FV = PV \prod_{i=1}^n (1 + r_i)$$

$$PV = FV \cdot \frac{1}{\prod_{i=1}^n (1 + r_i)}$$

- r_i : Tỷ suất “r” của năm thứ i

b) Tính chuyển các khoản tiền phát sinh (5)

- **Đối với các khoản phát sinh đều đặn:**

Năm	0	1	2	3	...	n
Khoản tiền	A	A	A	A	A	A

$$PV = A \frac{(1+r)^n - 1}{r(1+r)^n}$$

$$FV = A \frac{(1+r)^n - 1}{r}$$

c) Xác định tỷ suất chiết khấu “r” trong đánh giá hiệu quả tài chính (1)

- Trường hợp vay vốn đầu tư:

$$r = r_{\text{vay}}(1 - TR)$$

- **r**: Mức lãi suất vốn vay sau thuế
- **r_{vay}**: Lãi suất vay
- **TR**: Thuế suất thu nhập (Tax Rate)

Thực tế, tỷ suất “r” thường là mức lãi suất vay

c) Xác định tỷ suất chiết khấu “r” trong đánh giá hiệu quả tài chính (2)

- Trường hợp vay vốn đầu tư từ nhiều nguồn với lãi suất khác nhau:

$$\bar{r} = \frac{\sum_{k=1}^m I_{v_k} r_k}{\sum_{k=1}^m I_{v_k}}$$

- I_{v_k} : Số vốn vay từ các nguồn k
- r_k : Lãi suất vay từ nguồn k
- m : Số nguồn vay

c) Xác định tỷ suất chiết khấu “r” trong đánh giá hiệu quả tài chính (3)

- **Trường hợp vay vốn đầu tư từ nhiều nguồn với các kỳ hạn khác nhau:**

$$r_n = (1+r_t)^m - 1$$

- r_n : Lãi suất theo kỳ hạn năm
- r_t : Lãi suất theo kỳ hạn t trong năm
- m : Số kỳ hạn t trong năm

c) Xác định tỷ suất chiết khấu “r” trong đánh giá hiệu quả tài chính (4)

- **Trường hợp sử dụng vốn tự có để đầu tư:**

$$r = (1+f) \cdot (1+r_{\text{cơ hội}}) - 1$$

- **f**: Tỷ lệ lạm phát
- **$r_{\text{cơ hội}}$** : Mức chi phí cơ hội (*Theo tỷ suất lợi nhuận bình quân của nền kinh tế hoặc kinh doanh của chủ đầu tư trước khi tiến hành đầu tư*)

c) Xác định tỷ suất chiết khấu “ r ” trong đánh giá hiệu quả tài chính (5)

- **Trường hợp góp cổ phần đầu tư:**

- Tỷ suất “ r ” là lợi tức cổ phần

- **Trường hợp góp vốn liên doanh:**

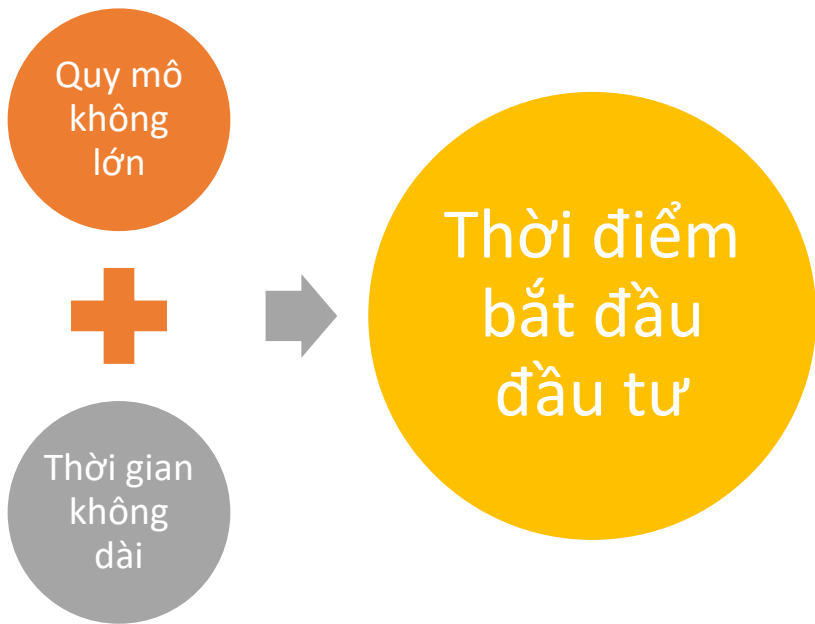
- Tỷ suất “ r ” là tỷ lệ lãi suất do các bên liên doanh thỏa thuận

- **Trường hợp đầu tư ban đầu bằng nhiều nguồn vốn khác nhau (*vay, tự có, cổ phần...*):**

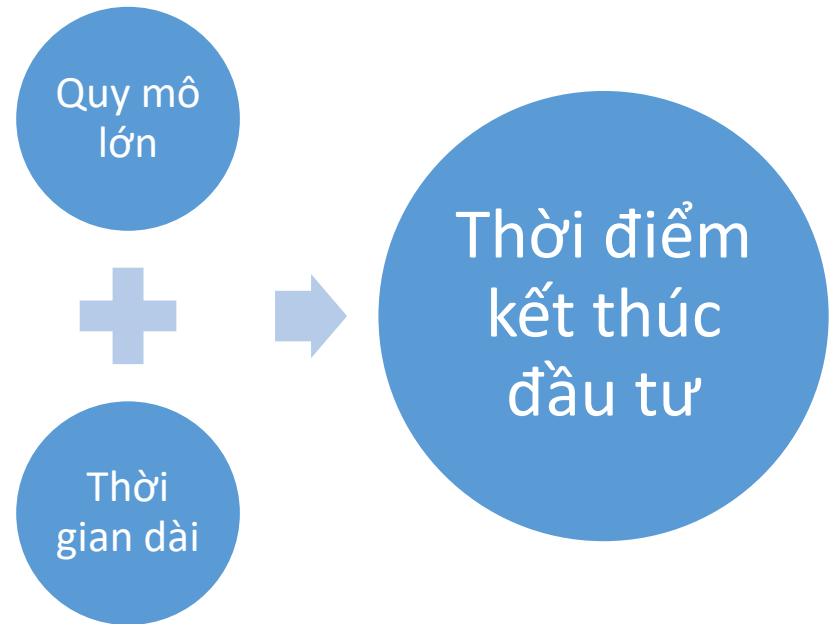
- Tỷ suất “ r ” tính theo mức lãi suất bình quân của các nguồn vốn đó

d) Chọn thời điểm tính

DA KHÔNG LỚN, KHÔNG DÀI?



DA LỚN, DÀI?



e) Xác định dòng tiền của đầu tư

- **Dòng chi phí:** Các khoản chi
- **Dòng lợi ích:** Các khoản thu
- **Dòng tiền tệ ròng:**
= Dòng Thu_{năm thứ i} – Chi_{năm thứ i} (*trong suốt quá trình thực hiện và vận hành DA*)
- **Dòng tiền sau thuế** = Dòng tiền trước thuế - Dòng thuế

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (1)

- Lợi nhuận thuần từng năm (W_i - Worth):

$$W_i = O_i - C_i$$

- O_i : Doanh thu thuần năm thứ i (Outputs) (*là Doanh thu sau khi đã trừ giảm giá hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu*)
- C_i : Chi phí năm thứ i (Inputs) (*Gồm: Chi phí SX, tiêu thụ, QL hành chính, khấu hao, trả lãi, thuế thu nhập...*)

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (2)

- **Tổng lợi nhuận thuần của cả đời DA (PV(W)):**
Thường tính theo giá trị hiện tại

$$PV(W) = \sum_{i=1}^n W_{ipv}$$
$$= \frac{W_1}{(1+r)^1} + \frac{W_2}{(1+r)^2} \dots + \frac{W_n}{(1+r)^n}$$

- W_i : Lợi nhuận thuần năm thứ i
- W_{ipv} : Hiện tại hóa lợi nhuận thuần năm thứ i
- **Lợi nhuận thuần bình quân hàng năm = Tổng LN thuần của cả đời DA / Số năm**

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (3)

- Thu nhập thuần (**NPV, NFV**):

$$NPV = \sum_{i=0}^n Bi \frac{1}{(1+r)^i} - \sum_{i=0}^n Ci \frac{1}{(1+r)^i}$$

$$NFV = \sum_{i=0}^n Bi(1+r)^{n-i} - \sum_{i=0}^n Ci(1+r)^{n-i}$$

- **Bi**: Khoản thu của dự án ở năm thứ i
- **Ci**: Khoản chi phí của dự án ở năm thứ i
- **r**: Tỷ suất chiết khấu
- **n**: Số năm hoạt động của dự án

$NPV > 0$ hay $NFV > 0 \gg \gg$ DA đạt hiệu quả tài chính

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (4)

- **Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư**

✓ Tính cho **từng năm**: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư năm thứ i (RR_i)

$$RR_i = \frac{W_{ipv}}{I_{V_0}} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần năm thứ } i \text{ tính tại thời điểm DA hoạt động}}{\text{Vốn đầu tư tại thời điểm DA hoạt động}}$$

✓ Tính cho **cả đời DA**: Mức thu nhập thuần tính trên 1 đơn vị vốn đầu tư (npv)

$$npv = \frac{NPV}{I_{V_0}} = \frac{\text{Thu nhập thuần tính chuyển về thời điểm DA hoạt động}}{\text{Vốn đầu tư tại thời điểm DA hoạt động}}$$

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (5)

- **Số vòng quay của vốn lưu động**

✓ Tính cho **từng năm**:

$$\text{Số VQVLĐ năm thứ } i = \frac{\text{Doanh thu thuần năm thứ } i}{\text{Vốn lưu động bình quân năm thứ } i}$$

✓ Tính **bình quân năm của cả đời DA**:

=

Doanh thu thuần bình quân năm của cả đời DA chuyển về thời điểm hiện tại

Vốn lưu động bình quân năm của cả đời DA chuyển về thời điểm hiện tại

Quay vòng nhanh >>> Tiết kiệm vốn >>> Hiệu quả sử dụng vốn cao

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (6)

- Tỷ số lợi ích chi phí (**B/C**):

$$B / C = \frac{\sum_{i=0}^n B_i \frac{1}{(1+r)^i}}{\sum_{i=0}^n C_i \frac{1}{(1+r)^i}}$$

- **B_i** : Doanh thu (lợi ích) ở năm thứ i
- **C_i** : Chi phí ở năm thứ i
- **B/C** > 1 >>> DA có hiệu quả tài chính
- **B/C** dùng để so sánh lựa chọn phương án đầu tư

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (7)

- **Thời gian thu hồi vốn đầu tư (T):** *Tính theo phương pháp cộng dồn*

$$\sum_{i=1}^T (W + D)_{ipv} \rightarrow \geq Iv_0$$

- **W** : Lợi nhuận thuần năm thứ i
- **D** : Khấu hao năm thứ i
- **I_{v₀}** : Vốn đầu tư thực hiện
- **T** < Tuổi thọ (hoặc T_{Định mức}) >>> **DA có hiệu quả tài chính**

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (8)

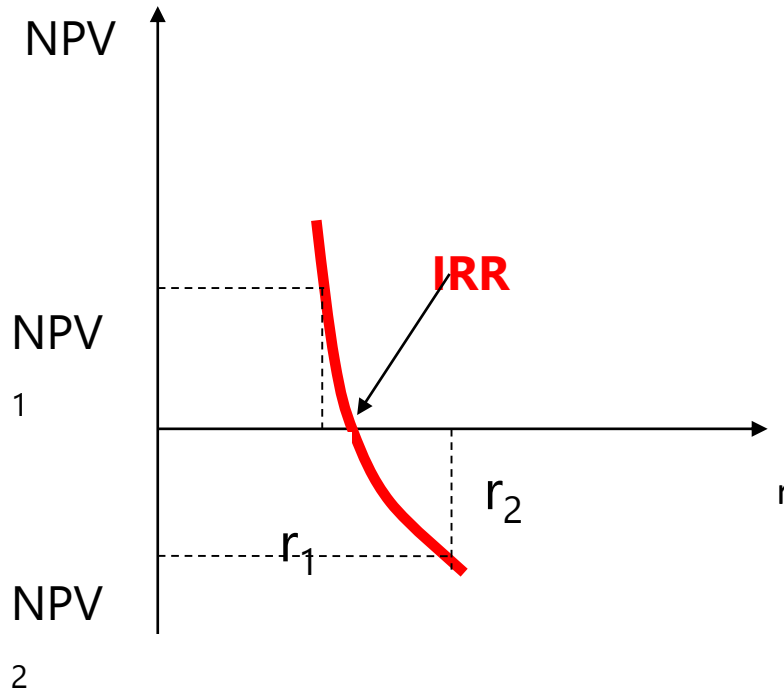
- **Tỷ suất nội hoàn vốn (IRR):**

- Là tỷ suất lợi nhuận mà tại đó giá trị hiện tại của dòng thu bằng giá trị hiện tại của dòng chi, hay NPV = 0, hoà vốn
- Cách tính: Thử dần, Đồ thị, Nội suy

$$IRR = r_1 + \frac{NPV_1}{NPV_1 - NPV_2}(r_2 - r_1)$$

- Điều kiện: $NPV_1 > 0$, $NPV_2 < 0$ và $r_2 - r_1 \leq 5\%$

✓ Đầu tư có hiệu quả khi $IRR \geq IRR_{\text{định mức}} ???$



Nếu IRR = 12%, Lãi suất vay vốn = 8%

✓ Vay để đầu tư?

✓ Tại sao?

Chú ý: Bắt buộc $NPV_1 > 0$ gần 0, $NPV_2 < 0$ gần 0

và $r_2 - r_1 \leq 5\%$

f) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính của đầu tư (9)

- **Điểm hòa vốn (BEP_Break Event Point)**: Là điểm tại đó doanh thu vừa đủ trang trải cho chi phí bỏ ra

✓ **Sản lượng hòa vốn (x)** (chỉ tiêu hiện vật)

$$x = \frac{f}{P - v} = \frac{\text{Tổng định phí (cả đời DA hoặc từng năm)}}{\text{Giá bán sản phẩm - Chi phí biến đổi cho 1 sản phẩm}}$$

✓ **Doanh thu hòa vốn (O_h)** (chỉ tiêu giá trị)

$$O_h = \text{Giá} * \text{Sản lượng hòa vốn} = P \frac{f}{P - v} = \frac{f}{1 - \frac{v}{P}}$$

2.2.2 Hiệu quả KTXH của đầu tư

- a) Thế nào là hiệu quả KTXH của đầu tư?
- b) Các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư
- c) Phương pháp đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư
- d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư

a) Thế nào là hiệu quả KTXH của đầu tư?

- Là **chênh lệch** giữa các **lợi ích** mà nền KTXH thu được so với các **chi phí** mà nền KTXH bỏ ra khi thực hiện đầu tư
 - **Lợi ích xã hội** thu được: Đáp ứng của đầu tư trong thực hiện các mục tiêu chung của XH và nền kinh tế (*Ngân sách, việc làm, ngoại tệ, môi trường, văn hóa...*)
 - **Chi phí xã hội** bỏ ra: Nguồn lực mà xã hội dành cho đầu tư (*Tài nguyên, của cải vật chất, lao động...*)

b) Các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư

- Nâng cao mức sống dân cư
- Phân phối thu nhập và công bằng xã hội
- Gia tăng việc làm
- Tăng thu và tiết kiệm ngoại tệ
- Các mục tiêu của kế hoạch KTQD:
 - Tăng NSLĐ
 - Phát triển ngành công nghiệp chủ đạo
 - Phát triển vùng nghèo, sâu xa
 - Khai thác tài nguyên...

c) Phương pháp đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (1)

GÓC ĐỘ QUẢN LÝ VI MÔ

- Dùng báo cáo tài chính
- Không phải tính lại giá đầu vào, đầu ra
- Sử dụng giá thị trường

GÓC ĐỘ QUẢN LÝ VĨ MÔ

- Dùng báo cáo tài chính
- Phải tính lại giá đầu vào, đầu ra theo giá xã hội (giá bóng)
- Không sử dụng giá thị trường để tính chi phí và lợi ích KTXH >>>
Phải **điều chỉnh**

c) Phương pháp đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (2)

ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI ĐẦU RA

- SP để xuất khẩu: Giá FOB
- SP để dùng nội địa thay hàng nhập khẩu: Giá CIF
- SP thiết yếu dùng nội địa: Giá thị trường trong nước + Trợ cấp, trợ giá
- SP thứ yếu dùng nội địa: Giá thị trường trong nước
- DV hạ tầng dùng nội địa không thể XK: Giá thị trường trong nước hoặc CPSX >>> Chọn giá trị cao hơn
- ...

ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI ĐẦU VÀO

- Đầu vào nhập khẩu: Giá CIF + Vận chuyển, bảo hiểm trong nước
- Đầu vào SX nội địa có thể XK: Giá thị trường trong nước hoặc giá FOB >>> Chọn giá trị cao
- Đầu vào SX nội địa có thể NK: Giá thị trường trong nước hoặc giá CIF >>> Chọn giá trị thấp
- DV hạ tầng tạo ra trong nước (không XNK): Giá thị trường trong nước hoặc chi phí sản xuất >>> Chọn giá trị cao
- LĐ: Lương + Thưởng + Phụ cấp
- Đất: Giá thị trường trong nước...

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (1)

- **Giá trị gia tăng thuần (NVA_Net Value Added):** Là mức chênh lệch giữa giá trị đầu ra và giá trị đầu vào

$$NVA = O - (MI + I)$$

- **O:** Giá trị đầu ra của dự án
- **MI** (Material Input): Giá trị đầu vào vật chất thường xuyên và DV mua ngoài
- **I (Investment):** Vốn đầu tư hoặc khấu hao
- NVA tính theo: Năm, cả đời DA, BQ năm của DA

- NVA gồm 2 yếu tố:
 - Wage (lương, thưởng, phụ cấp)
 - Social Surplus (Thặng dư xã hội: Thuế gián thu, lãi vay, đóng bảo hiểm, lợi nhuận không phân phối lại...)
- $NVA_{DA \text{ sử dụng vốn nước ngoài}} = NNVA + RP$
 - $NNVA$ _National Net Value Added: GTGT thuần túy quốc gia
 - RP _Repatriated Payments: GTGT thuần túy chuyển ra nước ngoài

?ĐỌC THÊM VỀ “Tỷ suất chiết khấu xã hội” và NVA

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (2)

- **Số LĐ có việc làm do thực hiện DA:**

- Số LĐ có việc làm trực tiếp của DA
- Số LĐ có việc làm gián tiếp (làm ở các DA liên quan)
- DA hoạt động có thể vừa tạo thêm việc làm, vừa gây mất việc làm

	CÁCH TÍNH
+	Số LĐ trực tiếp _{phục vụ DA}
+	Số LĐ gián tiếp _{phục vụ DA}
-	Số LĐ bị mất việc làm _{do DA}
-	Số LĐ nước ngoài _{làm việc cho DA}
--	-----
	Số LĐ có việc làm của quốc gia

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (3)

- **Mức giá trị gia tăng của mỗi nhóm dân cư, vùng lãnh thổ:**

- Xác định nhóm cư dân (*người hưởng lương, có vốn lợi tức, nhà nước thu thuế*) hoặc vùng được phân phối GTGT (NNVA)
- Xác định phần GTGT (NNVA) do DA tạo ra cho nhóm dân cư hoặc vùng
- So sánh mức GTGT giữa các nhóm dân cư, các vùng >>> Phân phối GTGT do DA tạo ra

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (4)

- **Ngoại hối ròng (Tiết kiệm, tăng thu ngoại tệ):**
 - Xác định thu chi ngoại tệ của DA (*Trực tiếp*)
 - Xác định thu chi ngoại tệ của DA liên quan (*Gián tiếp*)
 - Xác định chênh lệch thu chi ngoại tệ (P_{FE}) (*cả trực tiếp, gián tiếp theo giá trị thời gian của tiền*):
 - Chênh lệch > 0 >>> DA làm tăng nguồn ngoại tệ
 - Chênh lệch < 0 >>> DA làm giảm nguồn ngoại tệ
 - Xác định ngoại tệ tiết kiệm do SX thay thế NK
 - Xác định tổng ngoại tệ tiết kiệm (*từ chênh lệch thu chi ngoại tệ và tiết kiệm ngoại tệ*)
 - Nếu tổng ngoại tệ tiết kiệm > 0 >>> DA bội thu ngoại tệ
 - Nếu tổng ngoại tệ tiết kiệm < 0 >>> DA bội chi ngoại tệ

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (5)

- **Khả năng cạnh tranh quốc tế (IC_International Competitiveness):**

- Xác định giá trị hiện tại của chênh lệch thu chi ngoại tệ DA (P_{FE})
- Xác định giá trị hiện tại của các đầu vào trong nước DA sử dụng phục vụ cho SX hàng XK hoặc thay thế hàng NK (DR)

$$IC = \frac{\sum_{i=0}^n P_{FEipv}}{\sum_{i=0}^n DR_{ipv}}$$

- Nếu $IC > 1 \gg \gg$ SP của DA có khả năng cạnh tranh quốc tế
- Nếu $IC < 1 \gg \gg$ SP của DA không có khả năng cạnh tranh quốc tế

d) Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả KTXH của đầu tư (6)

- **Một số tác động khác của đầu tư:**
 - **Tác động tích cực**
 - Đẹp cảnh quan môi trường
 - Điều kiện sống, sinh hoạt địa phương
 - **Tác động tiêu cực**
 - Ô nhiễm nước
 - Ô nhiễm không khí và đất đai
 - **Tác động khác**
 - Đóng góp ngân sách
 - Phát hiện, tiếp nhận công nghệ mới
 - Ảnh hưởng đến phát triển kết cấu hạ tầng...

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (1)

- Tác động này **có thể bổ sung thêm**, song cũng **có thể làm giảm tác động** của các khía cạnh khác đối với toàn bộ **nền kinh tế**.
- Để lựa chọn DA tối ưu, cần sử dụng các chỉ tiêu hiệu quả tổng hợp để xem xét

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (2)

- **Đánh giá lợi ích tương đối:**
 - **n**: Số dự án đầu tư được đưa ra xem xét
 - **m**: Số mục tiêu cần đạt của đầu tư
 - **P**: Số nguồn lực sử dụng cho đầu tư
 - U_k^i : Mức độ đáp ứng tuyệt đối mục tiêu i của DA k
 - U^i : Mức độ đáp ứng tuyệt đối cao nhất mục tiêu i của các dự án xem xét (*NVA, lao động, ngoại tệ...*)
 - u_k^i : Mức độ đáp ứng tương đối mục tiêu i của DA k

- **Mức độ đáp ứng tương đối mục tiêu i của DA k là:**

$$u_k^i = \frac{U_k^i}{U^i}$$

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (3)

- Lợi ích tương đối của DA k xét trên toàn bộ các mục tiêu:

- u_k : Mức độ đáp ứng tương đối các mục tiêu của dự án k
- u_k^i : Mức độ đáp ứng tương đối mục tiêu i của DA k
- a^i : trọng số phản ánh tầm quan trọng tương đối của mục tiêu i theo quan điểm của người phân tích.
- a^i phải thỏa mãn các điều kiện:

$$a^i = a^1, a^2, a^3 \dots a^m$$

$$a^i \geq 0$$

$$\sum_{i=1}^m a^i = 1$$

- Mức độ đáp ứng tương đối các mục tiêu của dự án k là:

$$u_k = \sum_{i=1}^m a^i u_k^i$$

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (4)

- **Đánh giá nguồn lực sử dụng:**

- r_k^j : Mức độ sử dụng tương đối nguồn lực j của DA k
- R_k^j : Mức độ sử dụng tuyệt đối nguồn lực j của DA k
- R^j : Mức độ sử dụng tối đa nguồn lực j của các dự án xem xét

- Mức độ sử dụng tương đối nguồn lực j của DA k là:

$$r_k^j = \frac{R_k^j}{R^j}$$

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (5)

- **Mức độ sử dụng tương đối các nguồn lực:**
 - r_k : Mức độ sử dụng tương đối các nguồn lực của dự án k
 - r_k^j : Mức độ sử dụng tương đối nguồn lực j của DA k
 - b^j : Trọng số phản ánh mức độ khan hiếm nguồn lực j theo quan điểm phân tích.
 - b^j phải thỏa mãn điều kiện :

$$b^j = b^1, b^2, b^3 \dots b^p$$

$$b^j \geq 0$$

$$\sum_{j=1}^p b^j = 1$$

- **Mức độ sử dụng tương đối các nguồn lực của DA k là:**

$$r_k = \sum_{j=1}^p b^j r_k^j$$

VD về tính hiệu quả tổng hợp Ek???

- ????????

2.2.3 Hiệu quả tổng hợp của đầu tư (6)

- Hiệu quả tổng hợp của dự án đầu tư k (E_k):

$$E_k = \frac{u_k}{r^k}$$

- u_k : Mức độ đáp ứng tương đối các mục tiêu của dự án k
 - r_k : Mức độ sử dụng tương đối các nguồn lực khan hiếm của dự án k
- ✓ Hiệu quả tổng hợp của DA đầu tư (E_k) phản ánh hiệu quả tương đối của mỗi dự án và là cơ sở để đánh giá, so sánh lựa chọn DA đầu tư
- ✓ Chọn DA có hiệu quả tổng hợp E_k lớn nhất

2.3 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp

2.3.1 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp kinh doanh

2.3.2 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp hoạt động công ích

2.3.1 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp kinh doanh

a) Hiệu quả tài chính của đầu tư trong doanh nghiệp kinh doanh

b) Hiệu quả KTXH của đầu tư trong doanh nghiệp kinh doanh

a) Hiệu quả tài chính của đầu tư trong doanh nghiệp kinh doanh

- **Sản lượng tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của DN
- **Doanh thu tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của DN
- **Tỷ suất sinh lời** của vốn đầu tư = Lợi nhuận tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của DN
- **Hệ số huy động TSCĐ:**
 - = Giá trị TSCĐ mới tăng thêm/Tổng vốn đầu tư XDCCB thực hiện trong kỳ nghiên cứu
 - = Giá trị TSCĐ mới tăng thêm/Tổng vốn đầu tư XDCCB thực hiện (*gồm chưa huy động ở kỳ trước và thực hiện kỳ này*)

b) Hiệu quả KTXH của đầu tư trong doanh nghiệp kinh doanh

- **Mức đóng góp cho ngân sách tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- **Mức tiết kiệm ngoại tệ tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- **Mức thu nhập (lương) của người lao động tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- **Số chỗ làm việc tăng thêm/Vốn đầu tư phát huy tác dụng** trong kỳ nghiên cứu của doanh nghiệp
- **Tăng NSLĐ**
- **Nâng cao trình độ...**

2.3.2 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp hoạt động công ích (1)

Doanh nghiệp công ích?

- Là DN Nhà nước **sản xuất, cung ứng dịch vụ công cộng** theo các chính sách của Nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.
 - Là DN Nhà nước có **doanh thu trên 70% từ hoạt động công ích** (*quy định*)
- Hình ảnh về DN công ích bus Hanoi

2.3.2 Hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp hoạt động công ích (2)

- Hệ số huy động TSCĐ
- Mức chi phí đầu tư tiết kiệm được/Tổng mức dự toán
- Thời gian hoàn thành sớm/Thời gian dự kiến đưa công trình vào hoạt động
- Đối với các **doanh nghiệp hoạt động công ích có thu** có thể tính thêm một số chỉ tiêu hiệu quả tài chính như các doanh nghiệp kinh doanh:
 - Sản lượng tăng thêm/Vốn đầu tư
 - Doanh thu tăng thêm/Vốn đầu tư
 - Lợi nhuận tăng thêm/Vốn đầu tư

2.4 Hiệu quả đầu tư của ngành, địa phương, vùng và toàn nền kinh tế (1)

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế

b) Hiệu quả xã hội trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (1)

- **Mức tăng của GTSX so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu ($H_{IV(GO)}$):**

$$H_{IV(GO)} = \frac{\Delta GO}{I_{V_{PHTD}}}$$

- ΔGO : Giá trị sản xuất tăng thêm trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và của toàn bộ nền kinh tế
- $I_{V_{PHTD}}$: Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (2)

- **Mức tăng GDP so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu ($H_{IV(GDP)}$):**

$$H_{IV(GDP)} = \frac{\Delta GDP}{I_{V_{PHTD}}}$$

- ΔGDP : Mức tăng của GDP trong kỳ nghiên cứu của vùng, địa phương hoặc của nền kinh tế
- $I_{V_{PHTD}}$: Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (3)

- **Mức tăng giá trị gia tăng so với toàn bộ vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu ($H_{IV(VA)}$):**

$$H_{IV(VA)} = \frac{\Delta VA}{IV_{PHTD}}$$

- ΔVA : Mức tăng của VA trong kỳ nghiên cứu của vùng, địa phương hoặc của nền kinh tế
- IV_{PHTD} : Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (4)

- **Mức tăng GDP so với giá trị TSCĐ huy động trong kỳ nghiên cứu ($H_{F(GDP)}$):**

$$H_{F(GDP)} = \frac{\Delta GDP}{F}$$

- **ΔGDP :** Mức tăng của GDP trong kỳ nghiên cứu của vùng, địa phương hoặc của nền kinh tế
- **F (Fixed Asset):** giá trị tài sản cố định huy động trong kỳ nghiên cứu của địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (5)

- **Mức tăng VA so với giá trị TSCĐ huy động trong kỳ nghiên cứu ($H_{F(VA)}$):**

$$H_{F(VA)} = \frac{\Delta VA}{F}$$

- ΔVA : Mức tăng của VA trong kỳ nghiên cứu của vùng, địa phương hoặc của nền kinh tế
- F (Fixed Asset): giá trị tài sản cố định huy động trong kỳ nghiên cứu của địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (6)

• **Tỷ lệ gia tăng vốn sản lượng (ICOR):**

$$ICOR \text{ ngành} = \frac{I_v}{\Delta VA} \quad ICOR \text{ đp, v, nen kt} = \frac{I_v}{\Delta GDP}$$

- **ΔVA :** Mức tăng VA trong kỳ nghiên cứu của ngành
- **ΔGDP :** Mức tăng GDP trong kỳ nghiên cứu của vùng, địa phương, nền kinh tế
- **I_v :** Vốn đầu tư sử dụng để tạo ra ΔVA hay ΔGDP

✓ ICOR cao >>> Hiệu quả đầu tư giảm

??? Đọc thêm các cách tính ICOR?

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (7)

• Hệ số huy động TSCĐ ($H_{TSCĐ}$):

$$H_{TSCĐ} = \frac{F}{I_{V_{TH}}}$$

- **F**: Giá trị TSCĐ huy động trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế.
- **IV_{TH}**: Vốn đầu tư thực hiện trong kỳ nghiên cứu của ngành, địa phương, vùng và toàn bộ nền kinh tế hoặc toàn bộ vốn đầu tư thực hiện

✓ $H_{TSCĐ}$ cao >>> Thi công nhanh chóng, dứt điểm

a) Hiệu quả kinh tế trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế (7)

- Mức tăng thu nhập quốc dân/Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- Mức tăng thu ngân sách/Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- Mức tăng thu ngoại tệ/Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- Mức tăng kim ngạch xuất khẩu/Vốn đầu tư phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

b) Hiệu quả xã hội trong đầu tư của ngành, địa phương, vùng, nền kinh tế

- Số **LĐ có việc làm** do đầu tư
- Số **LĐ có việc làm/Vốn đầu tư** phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- Mức **VA phân phối** cho các nhóm dân cư và vùng lãnh thổ
- Mức **VA phân phối** cho các nhóm dân cư và vùng lãnh thổ/**Vốn đầu tư** phát huy tác dụng trong kỳ nghiên cứu
- **Chi tiêu cải thiện** đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, cải thiện chất lượng hàng tiêu dùng và cơ cấu hàng tiêu dùng của xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, cải thiện môi trường sinh thái, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và sức khoẻ...

Hết chương